

Số: /QĐ-PC08

Nghệ An, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Xét đề nghị của đồng chí Đội trưởng Đội Sát hạch, cấp Giấy phép lái xe.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe mô tô cho tổng số: 308 thí sinh các hạng B, C1 (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 22/7/2026 tại Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Sông Lam, địa chỉ: xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Thượng tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông: Nguyễn Duy Chung, Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Sông Lam, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc
 - Đ/c PGĐ Phụ trách
 - Cục C08 BCA
- } (để báo cáo)
- Như Điều 4 (để thực hiện);
 - Lưu: VT, PC08(Lục).



TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Lê Thanh Nghị

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-PC08 ngày /7/2026 của Phòng CSGT)

TT	CẤP BẠC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Thượng tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Thiếu tá Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 1675/QĐ-PC08 ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Phòng Cảnh sát giao thông)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	HÀ THỊ VIỆT AN	19/02/1995	*****11	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260225152949523
2	ĐẶNG THỊ AN	23/02/1985	*****46	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260320111146250
3	ĐẶNG MAI ANH	29/04/2008	*****40	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260416163030023
4	LÊ THỊ MAI ANH	30/11/1985	*****83	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260415150556880
5	NGUYỄN VĂN ANH	04/11/1996	*****00	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260416170701937
6	PHAN THỊ LAN ANH	26/05/1998	*****14	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260418111805233
7	TRẦN THỊ TÚ ANH	30/12/2003	*****03	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417084347670
8	PHAN TIẾN ANH	01/03/2004	*****20	Xã Minh Hóa, Tỉnh Quảng Trị	x		40030-20260314090408680
9	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	08/03/1996	*****76	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260102110525673
10	ĐINH QUỐC ANH	26/09/2001	*****86	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260321135543107
11	PHẠM VĂN ANH	18/09/1985	*****25	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260320132550030
12	GIẢN TRẦN PHƯỚC ANH	07/04/2005	*****05	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251215140319013
13	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	23/12/1998	*****78	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260321161104287
14	TRẦN ĐÌNH ÁNH	19/05/1988	*****83	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251017170633167
15	PHẠM GIA BẢO	03/01/2006	*****55	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260420082914563
16	HOÀNG CHÍ BẢO	08/07/2005	*****06	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260330161524740

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
17	NGUYỄN THÁI BẢO	06/10/2001	*****97	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40030-20260314094625247
18	NGUYỄN VĂN BẢNG	21/08/2004	*****85	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314132044910
19	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	20/06/1997	*****67	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40030-20251215165159500
20	NGUYỄN THANH BIỂN	21/10/1990	*****14	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260331131604010
21	TRẦN ĐỨC BÌNH	11/12/1987	*****00	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260224135631170
22	TRẦN PHÚ BÌNH	17/07/1993	*****78	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260320143239653
23	NGUYỄN THỊ BÚP	15/03/1987	*****10	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20250815074557893
24	NGUYỄN VĂN CÔNG	23/01/1991	*****94	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	40030-20260416170445887
25	TRẦN VĂN CUỒNG	14/11/1985	*****70	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260303140900503
26	TRẦN KHẮC CỬU	10/11/1979	*****26	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260305112259423
27	HOÀNG THỊ CHÂU	20/02/1996	*****64	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260415162236047
28	NGUYỄN HÀ KIM CHI	09/08/2003	*****18	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260224100904370
29	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	27/12/1973	*****19	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260421074725207
30	NGUYỄN VĂN CHIẾN	16/12/1987	*****63	Xã Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk	x		40030-20251220111346730
31	PHẠM ĐÌNH CHINH	24/01/1991	*****90	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260314084451667
32	NGUYỄN VĂN CHÍNH	14/08/1995	*****81	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260313131220660
33	LƯƠNG MAY CHÔM	01/11/1990	*****47	Xã Nga My, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260314102428690
34	HÀ HUY CHUNG	20/10/1982	*****25	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260421112154227

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
35	HOÀNG THỊ CHUNG	18/05/1998	*****50	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260421104218543
36	ĐINH THỊ CHUNG	23/06/1991	*****48	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260224100453630
37	NGUYỄN THỊ CHUNG	20/12/1989	*****84	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260228095938560
38	LÊ THẾ DANH	10/06/1994	*****72	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260331105622627
39	HOÀNG THỊ DIỆU	23/09/2002	*****86	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260330151906980
40	NGUYỄN THỊ DUNG	05/06/1994	*****18	Xã Đức Lập, Tỉnh Lâm Đồng	x		40030-20260415152721907
41	NGUYỄN THỊ DUNG	10/09/1978	*****36	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260415150307463
42	NGUYỄN THỊ DUNG	14/07/1994	*****16	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260420135851910
43	TRẦN THỊ THÙY DUNG	10/09/1992	*****83	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260102144039167
44	HỒ VĂN DŨNG	09/07/1988	*****16	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260314080431877
45	PHAN VĂN DŨNG	13/05/1994	*****04	Xã Gia Hanh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260314133729617
46	TRƯƠNG HỮU DŨNG	11/03/1993	*****95	Xã Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20251215143833267
47	ĐÀO VĂN DŨNG	15/01/1991	*****83	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251215161216340
48	VI BA DUY	08/09/1996	*****60	Xã Hữu Kiệm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260415154935107
49	TRẦN VĂN DUYỆT	02/06/1989	*****37	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314082014007
50	NGUYỄN THỊ DỰC	10/04/1975	*****08	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260416160454573
51	ĐẶNG CÔNG DƯƠNG	04/04/1991	*****84	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20250818161745340
52	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	04/10/2007	*****93	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251006141731433

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
53	NGUYỄN XUÂN ĐẠI	29/09/1990	*****74	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260303141016037
54	THÁI TÂM ĐÀN	30/06/2006	*****91	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251212163041100
55	Nguyễn Văn Đàn	19/05/1974	*****35	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		
56	TRỊNH QUANG ĐẠT	01/02/2000	*****65	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260313094214233
57	NGÔ TIẾN ĐẠT	08/04/2000	*****21	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303095659300
58	NGUYỄN PHÙNG ĐIỀN	08/10/1981	*****82	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417091802537
59	LO XUÂN ĐIẾP	17/11/1994	*****71	Xã Nga My, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260415154002490
60	NGUYỄN HỮU ĐÔ	29/10/2004	*****25	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260313085153217
61	LÊ XUÂN ĐÔNG	23/02/2001	*****33	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260331111429007
62	DƯƠNG MINH ĐỨC	20/07/1992	*****47	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314100905193
63	HOÀNG VĂN ĐỨC	30/10/1994	*****78	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314093714763
64	TRẦN VĂN ĐỨC	27/03/2001	*****76	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260321140042707
65	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	02/09/1969	*****77	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251212105515770
66	LÊ VĂN ĐỨC	19/07/1999	*****20	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303110727550
67	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	01/03/1994	*****86	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303094409557
68	PHẠM VĂN ĐỨC	21/03/1988	*****51	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260303150550087
69	NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG	04/04/1997	*****77	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260419084456557
70	TẠ THỊ TRÀ GIANG	13/09/1999	*****78	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260416162914057

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
71	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	16/07/2005	*****55	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20250815140532937
72	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	20/08/2002	*****81	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303141819047
73	NGUYỄN VĂN GIÁP	05/02/1994	*****20	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260419084858777
74	NGUYỄN THỊ THU HÀ	04/06/1988	*****50	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260416171310740
75	LÊ HỮU HÀ	12/07/2005	*****51	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260330160610510
76	NGUYỄN THỊ HÀ	18/10/1978	*****08	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260401085748733
77	HỒ THỊ HÀ	27/01/1996	*****65	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260102144624813
78	PHAN THỊ HÀ	20/11/1994	*****42	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260228091538483
79	NGUYỄN THỊ HẢI	09/07/1994	*****57	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260416162107753
80	PHAN THANH HẢI	28/08/1994	*****56	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260415151541917
81	NGUYỄN HỮU HẢI	07/05/1975	*****51	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260331110138360
82	DƯƠNG ĐÌNH HẢI	28/02/2005	*****43	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260314103300450
83	HOÀNG VĂN HẢI	29/10/1993	*****96	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314083821810
84	HỒ SỸ HẢI	12/06/1980	*****29	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251006093408530
85	HOÀNG THỊ THÚY HẠNH	16/11/1988	*****97	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260416160658623
86	VÕ THỊ HẠNH	16/02/2001	*****37	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260415160302763
87	NGUYỄN THỊ HẠNH	20/12/1990	*****81	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260321161204373
88	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	25/02/1986	*****96	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303144742303

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
89	DƯƠNG THỊ THÚY HẢO	24/09/1980	*****34	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260330154011417
90	NGUYỄN TIẾN HẢO	21/08/1996	*****88	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	40030-20251222143806090
91	LÊ THỊ HẰNG	22/12/1997	*****31	Xã Hữu Kiệm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260415135304997
92	VŨ THỊ HẰNG	20/04/1997	*****84	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260225152716063
93	HOÀNG DIỆU HẰNG	15/08/1982	*****89	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260320151638020
94	NGUYỄN THỊ HIỀN	01/06/1993	*****62	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260228094113027
95	LÊ THỊ HIỀN	02/01/1999	*****73	Xã Hữu Kiệm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260415135132787
96	NGUYỄN THỊ HIỀN	18/03/1985	*****36	Phường Nam Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20251127112320447
97	NGUYỄN VĂN HIỆP	01/04/2002	*****61	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260313092148180
98	LÊ VĂN HIẾU	20/11/1982	*****60	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260119134552667
99	VÕ THỊ HOA	07/12/2000	*****34	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260420140256450
100	PHẠM VĂN HÒA	06/01/1995	*****94	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260331111149090
101	NGUYỄN VĂN HÒA	10/01/1993	*****49	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251122084926403
102	NGUYỄN VĂN HÒA	01/01/1990	*****47	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251220092636393
103	TÔ VIỆT HÒA	05/10/1979	*****23	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260305111813407
104	NGUYỄN THỊ HOÀI	14/05/2005	*****35	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A.01	40030-20260418153754817
105	PHAN THỊ HOÀI	01/03/1995	*****42	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260224093159450
106	NGUYỄN THỊ HOÀN	22/11/1990	*****90	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260418090110870

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
107	NGUYỄN DANH HOÀN	08/01/1994	*****19	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314094404683
108	VĂN ĐÌNH HOÀN	08/08/1990	*****98	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314082344043
109	NGUYỄN THỊ NGỌC HOÀN	20/12/1976	*****41	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260320135806173
110	NGUYỄN SỸ HOÀN	20/10/1994	*****95	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260303104430840
111	NGUYỄN DOÃN HOÀNG	19/05/2006	*****76	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260402133502637
112	TRẦN NGỌC HOÀNG	17/12/1981	*****43	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260330170047800
113	NGUYỄN ĐẮC HOÀNG	10/05/1979	*****25	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303151621100
114	NGUYỄN VĂN HOÀNG	20/10/1992	*****72	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303102606773
115	LÊ ÁNH HỒNG	03/02/1982	*****96	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260224140502983
116	TRẦN TÂN HỘI	10/08/1971	*****93	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40030-20251113111924740
117	HÀ VĂN HÙNG	20/08/1995	*****53	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314090953553
118	PHẠM VĂN HÙNG	15/06/1997	*****98	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251212165226927
119	NGUYỄN HỮU HÙNG	13/09/1973	*****61	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303151400313
120	NGUYỄN TẤT HÙNG	04/02/2007	*****30	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303133734950
121	NGUYỄN TƯ HÙNG	20/06/1994	*****42	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303100709107
122	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG HUY	07/12/2007	*****92	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A.01	40030-20260330161132893
123	NGUYỄN VĂN HUY	10/03/1986	*****04	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303141441847
124	NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/09/1999	*****04	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417154737693

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
125	HỒ CÔNG HƯNG	16/08/1985	*****28	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20250919073543117
126	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	16/03/1985	*****84	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260418095228170
127	QUANG THỊ HƯƠNG	12/01/1995	*****62	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260415155229727
128	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	21/11/1993	*****58	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417163009077
129	VÕ THỊ HƯỜNG	16/10/1991	*****80	Xã Cẩm Thạch, Tỉnh Thanh Hóa	x		40030-20260417094935720
130	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	23/05/1994	*****54	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260303142325570
131	NGUYỄN ĐÌNH HỮU	26/07/1993	*****65	Xã Tùng Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260401084344817
132	LÊ HỮU KIÊM	02/02/1973	*****46	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260331163821413
133	NGUYỄN VIỆT KIÊN	20/07/1987	*****26	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303100528623
134	VÕ THỊ KIỀU	16/01/1996	*****46	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260418100028363
135	TRẦN ĐÌNH KHANG	30/01/2008	*****07	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314102649597
136	TRẦN MẠNH KHÁNG	27/07/1969	*****08	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260415152823743
137	PHAN ĐĂNG KHOA	30/11/1993	*****05	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Am	40030-20260124150055067
138	ĐÌNH TÔN KHOÁI	14/04/1988	*****38	Xã Nam Gianh, Tỉnh Quảng Trị	x		40030-20260124103602260
139	TRẦN HƯNG KHÔI	26/07/1998	*****31	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260224134201497
140	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	23/03/1993	*****85	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417091607913
141	PHẠM QUỐC LAM	10/09/1992	*****30	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260313082708923
142	NGUYỄN THỊ LAN	26/02/1996	*****84	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260331164028633

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
143	NGUYỄN THẾ LÂM	10/10/1997	*****35	Xã Phước An, Tỉnh Đồng Nai	x	A1	40030-20251220110358943
144	THÁI THỊ HƯƠNG LIÊN	27/05/1992	*****05	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260418111534590
145	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	01/06/2000	*****54	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260416170854323
146	NGUYỄN THỊ LINH	19/09/1999	*****32	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417163609667
147	NGUYỄN THỊ NHẬT LINH	15/06/1992	*****62	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260321160822637
148	BÙI THỊ MỸ LINH	20/03/1998	*****21	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303133302800
149	DƯƠNG THỊ HỒNG LĨNH	13/03/1989	*****69	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260330151351797
150	TRẦN NGỌC LĨNH	28/05/1984	*****25	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260402081053050
151	TẠ THỊ LOAN	02/09/1990	*****40	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260416162513700
152	NGUYỄN THỊ LOAN	18/12/1987	*****82	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251212111623107
153	BỂ NHẬT LONG	11/02/2008	*****15	Xã Quốc Khánh, Tỉnh Lạng Sơn	x		40030-20260402083535357
154	LANG VĂN LƯƠNG	18/04/1989	*****55	Xã Mường Quàng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260331103355230
155	HOÀNG THỊ LY	13/08/1996	*****22	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417154454047
156	TRẦN THỊ MAI	25/07/1991	*****75	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260420135035927
157	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	08/10/1997	*****31	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251212110945687
158	HỒ TRỌNG MẠNH	28/01/1979	*****20	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260420091544360
159	ĐẶNG HỮU MẠNH	25/10/1992	*****65	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251226093531073
160	NGUYỄN KIM MẠNH	22/07/1984	*****62	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251215164122457

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
161	DƯƠNG THỊ MÀU	01/01/1974	*****12	Xã Sơn Kim 1, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260418085612847
162	NGUYỄN LÂM MINH	05/02/1991	*****79	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314082550463
163	PHAN THANH MINH	27/07/1987	*****49	Phường Quảng Phú, Thành Phố Đà Nẵng	x	A1	40030-20251215111712533
164	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	01/06/2003	*****33	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417155303870
165	NGUYỄN QUỲNH NAM	16/02/2001	*****80	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40030-20260313090048653
166	NGUYỄN VĂN NAM	03/07/1987	*****31	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303140542183
167	NGUYỄN THỊ HÀ NI	15/04/1992	*****38	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260321160918387
168	NGUYỄN THỊ NGÀ	05/09/1989	*****36	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260420084531957
169	LÂM THỊ NGÀ	14/10/1999	*****79	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260331165348033
170	PHAN THỊ NGÀ	14/04/1974	*****83	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260331163549633
171	NGUYỄN THỊ NGÀ	02/03/1995	*****04	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260416160341347
172	LÊ THỊ NGHĨA	05/10/1998	*****31	Xã Gia Hanh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40030-20260416171125337
173	TRẦN ĐĂNG NGHĨA	18/05/1983	*****64	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A2	40030-20260313112954033
174	HÀ TRẦN NGHĨA	19/10/1986	*****46	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20250818070825120
175	NGUYỄN THỊ NGỌC	27/11/1986	*****01	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251215151422933
176	PHẠM NGUYỄN TUỆ NGUYÊN	09/01/2007	*****47	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20250816162445033
177	SÀM VĂN NHÂN	11/03/1992	*****11	Xã Mường Quảng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260331103848340
178	NGUYỄN THỊ NHÂN	15/06/1986	*****71	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260225134039540

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
179	PHẠM PHÚC NHẬT	18/01/2006	*****79	Xã Cổ Đàm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40030-20251113111534513
180	NGUYỄN DOÃN NHẬT	18/05/1993	*****36	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251222111822420
181	NGUYỄN THỊ NHUNG	17/10/1990	*****66	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417102405070
182	ĐỒNG THỊ NHUNG	20/11/1997	*****09	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251220091727797
183	PHAN THỊ TUYẾT NHUNG	07/03/1987	*****79	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260119140058303
184	NGUYỄN THỊ OANH	13/10/1992	*****74	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417095442220
185	TRẦN THỊ OANH	10/04/1985	*****81	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260102103659523
186	HÀ THỊ OANH	17/08/1994	*****06	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	Am	40030-20260124143646167
187	NGUYỄN VĂN PHONG	02/07/1989	*****70	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260402132411470
188	PHAN BÁ PHONG	10/04/1986	*****81	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260402082052413
189	HỒ TUẤN PHONG	07/03/2006	*****45	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314090640680
190	NGUYỄN TẮT PHONG	03/11/1982	*****40	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251021102817180
191	Dương Hoàng Phong	08/05/2007	*****54	Phường Trường Vinh, Nghệ An	x		
192	TRẦN MINH PHÚ	10/10/1982	*****42	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An			40030-20260415152543700
193	LÊ PHƯỚC	24/06/2003	*****72	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260120145003787
194	ĐẶNG THỊ HÀ PHƯƠNG	12/05/1994	*****65	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260224164120440
195	HÀ THỊ NAM PHƯƠNG	10/06/1974	*****64	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260225143601153
196	ĐINH THỊ PHƯỢNG	16/06/1996	*****63	Xã Tuyên Phú, Tỉnh Quảng Trị	x	A1	40030-20260415162758267

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
197	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	14/08/1985	*****63	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314132433717
198	LÊ XUÂN QUANG	25/09/1992	*****98	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251215161732500
199	BÙI TRUNG QUÂN	23/01/2008	*****24	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260415135938187
200	NGUYỄN PHÙNG QUÂN	24/06/1988	*****87	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260119141716147
201	PHAN THỊ QUẾ	20/01/1992	*****78	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260321135003707
202	ĐINH XUÂN QUỐC	31/01/2004	*****21	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260313111907153
203	PHẠM XUÂN QUỐC	26/09/2004	*****04	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260313083906590
204	NGUYỄN VĂN QUÝ	11/07/2001	*****02	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314134642823
205	HOÀNG THẢO QUYÊN	03/12/1993	*****07	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260415162456003
206	NGUYỄN THỊ QUYÊN	26/12/1990	*****91	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417155048317
207	TỪ THỊ QUYÊN	23/09/1991	*****95	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20250915172443133
208	NGUYỄN CẢNH QUYÊN	02/01/1980	*****85	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260331132447387
209	LÊ XUÂN RẠNG	19/05/1994	*****87	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260331110521787
210	LANG VĂN SAN	03/08/2002	*****05	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314085820360
211	NGUYỄN HỮU SẮC	29/01/2008	*****88	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260305112952040
212	NGUYỄN THỊ SÂM	11/04/1989	*****56	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260420135423423
213	NGUYỄN THỊ SÂM	15/05/1975	*****70	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251230111914720
214	NGUYỄN THỊ SEN	12/12/1994	*****18	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417090704600

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
215	VŨ THỊ SEN	24/08/1983	*****67	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303100957180
216	NGUYỄN XUÂN SƠN	25/05/2000	*****33	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314111559420
217	ĐẶNG HỮU SƠN	16/06/1973	*****41	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251230112301333
218	TRẦN VĂN SƠN	09/03/2004	*****19	Xã Giai Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251215153527107
219	PHẠM VĂN TAM	07/05/1989	*****07	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260330151556980
220	LÊ THỊ TÂM	01/10/2007	*****87	Xã Như Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	x		40030-20260417101715147
221	NGUYỄN THỊ TÂM	07/09/1994	*****50	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260415160644210
222	NGUYỄN TRẦN MINH TÂM	18/05/2002	*****48	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260421110235743
223	BÙI THỊ NGỌC TÂM	26/03/1991	*****25	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260330154402023
224	NGUYỄN ĐỨC TÂM	20/11/1984	*****19	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260321100415560
225	HOÀNG NGUYỄN MẠNH TÂN	20/07/2007	*****53	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20250816162931700
226	NGUYỄN THỊ TÂN	08/06/1981	*****61	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251129132336833
227	ĐẶNG THÀNH TÂN	11/09/1992	*****96	Xã Thiên Nhẫn, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303095751080
228	NGUYỄN NGỌC TIẾN	02/03/1989	*****22	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260421112009143
229	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	23/09/1973	*****75	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260330165047143
230	LƯƠNG VĂN TIẾN	25/06/1984	*****49	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251217100420487
231	thái trần tiến	29/07/1999	*****14	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		
232	NGUYỄN THỊ TÌNH	09/08/1988	*****56	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260415140318253

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
233	LÔ THỊ TÌNH	04/05/1990	*****11	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417102248390
234	HOÀNG NGỌC TOÀN	18/09/2002	*****48	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260415161844993
235	NGUYỄN THỊ TÚ	18/07/1998	*****64	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260415134755517
236	ĐÀO THỊ TÚ	30/11/1993	*****79	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260320133013167
237	NGUYỄN ANH TUẤN	14/04/1983	*****88	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260402083008810
238	NGUYỄN VĂN TUẤN	08/07/1992	*****25	Xã Đông Kinh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260401084853290
239	KIỀU QUỐC TUẤN	07/08/1997	*****55	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40030-20251220105539107
240	TRẦN VĂN TUẤN	10/04/1977	*****61	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260305111450693
241	PHAN THANH TÙNG	02/07/1972	*****23	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417090813717
242	HOÀNG CÔNG TUYẾN	18/09/1998	*****49	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260331111612353
243	TRƯỜNG HUY TUYẾN	01/11/1993	*****38	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303092929007
244	VƯƠNG KIM TUYẾN	16/10/1994	*****94	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260305112607073
245	VÕ THỊ TUYẾT	23/02/1987	*****99	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260420135932960
246	LÊ ĐÌNH TƯỢNG	27/04/2006	*****09	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260416160551717
247	TRẦN ĐÌNH TỶ	20/01/1977	*****36	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260313095745953
248	TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	28/04/1997	*****68	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260228092854910
249	ĐẶNG KHẮC THANH	25/11/1997	*****44	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251215161446823
250	TRẦN NGỌC THÀNH	13/02/2004	*****80	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	40030-20260313084627057

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
251	TRỊNH VĂN THÀNH	07/12/2004	*****13	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260313093347190
252	NGUYỄN TUẤN THÀNH	01/07/2002	*****82	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303134121830
253	NGUYỄN THỊ THẢO	16/11/2001	*****31	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417140844553
254	NGUYỄN THỊ THẢO	15/08/1988	*****82	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260415145335590
255	TRẦN THỊ THẢO	28/04/2002	*****43	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417083711057
256	NGUYỄN THỊ THU THẢO	16/10/1997	*****58	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260421111134983
257	VÕ THỊ THẨM	29/06/1998	*****08	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260416155504307
258	LÊ HẢI THẨM	20/01/1995	*****88	Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	x	A1	40030-20251006102305220
259	NGUYỄN DUY THẮNG	11/06/2006	*****29	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260402132059250
260	LÊ TẤT THẮNG	02/08/1959	*****16	Phường Hà Huy Tập, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260303131244133
261	LÊ VĂN THẾ	18/08/1992	*****30	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417102555170
262	CAO THỊ QUỲNH THI	16/09/2007	*****99	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260228092202480
263	VƯƠNG QUỐC THIÊN	27/11/2005	*****67	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260402133144597
264	LƯƠNG THỊ THÌN	12/07/1995	*****42	Xã Nga My, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260102084012390
265	TẠ QUANG THÌN	01/05/2000	*****66	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40030-20251222144740587
266	NGUYỄN VĂN THỌ	16/06/1989	*****27	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314085017723
267	VÕ THỊ THỎA	08/12/1983	*****06	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260126155257167
268	LŨ VĂN THÔNG	06/08/1976	*****67	Xã Mường Quảng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260331105242870

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
269	VÕ THỊ THƠ	02/06/1971	*****70	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417083311927
270	TRẦN THỊ THƠ	11/02/1979	*****74	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260120143738760
271	LÊ THỊ THU	17/05/1988	*****39	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260418095511230
272	TRẦN THỊ THUẦN	25/04/1984	*****72	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260224141418397
273	ĐOÀN CÔNG THUẬN	16/06/1980	*****54	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303093353870
274	ĐINH THỊ DIỆU THỦY	07/01/2006	*****56	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417083422467
275	HOÀNG THỊ THỦY	06/04/1989	*****02	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260415162553250
276	HOÀNG THỊ THỦY	19/05/1990	*****59	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260417163352410
277	NGUYỄN THỊ THU THỦY	20/04/1995	*****67	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260320145642490
278	NGUYỄN TRẦN MINH THU'	24/07/2006	*****65	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260421105456333
279	NGUYỄN THỊ HỒNG THƯƠNG	23/10/2001	*****01	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260416162726947
280	TRẦN THỊ THƯƠNG	25/05/1995	*****25	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417154925827
281	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	20/05/2003	*****24	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314100605820
282	DƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	26/05/1998	*****51	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260420085307110
283	NGUYỄN THỊ HIỀN TRANG	23/04/2008	*****42	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260415151917527
284	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	14/02/2004	*****11	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260401085116183
285	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	01/12/1988	*****85	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260126161521173
286	NGUYỄN THỊ TRANG	11/07/1996	*****60	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260225152438777

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
287	HOÀNG THỊ TRANG	07/10/1996	*****43	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260320112407373
288	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	06/06/2000	*****68	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260303134427500
289	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	24/07/2004	*****11	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251215104821983
290	HOÀNG TRÚC	14/01/1977	*****55	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260120145655877
291	NGUYỄN BẢO TRUNG	09/04/2002	*****82	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260314095025557
292	LÊ THÀNH TRUNG	24/04/1984	*****65	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251017171739280
293	DƯƠNG VĂN TRUNG	03/02/1991	*****77	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260126152653093
294	TRẦN NAM TRUNG	20/09/1976	*****55	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260303093856700
295	TRẦN PHÚ TRUYỀN	10/04/1976	*****27	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260224135309657
296	BẠCH QUỐC TRƯỜNG	13/09/1990	*****72	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260314135243853
297	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	24/06/1997	*****27	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251215110944690
298	ĐẶNG THỊ ÚT	13/04/1990	*****74	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260417102109950
299	VI THỊ VÂN	16/10/1982	*****01	Xã Tiên Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260330165740947
300	DƯƠNG THỊ VÂN	06/04/1991	*****32	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20251230112740620
301	PHAN THỊ VÂN	24/12/1982	*****36	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260320140925240
302	NGUYỄN DIỆU VI	29/12/2007	*****79	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260418164141633
303	HỒ VIỆT VINH	04/08/1990	*****80	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251215140517437
304	DƯƠNG ĐÌNH VŨ	27/09/2005	*****33	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	40030-20260330162353493

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
305	BÙI TUẤN VŨ	13/06/2003	*****12	Xã Thạch Lạc, Tỉnh Hà Tĩnh	x		40030-20260124144842800
306	NGUYỄN THỊ XUÂN	15/07/1989	*****52	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20251122084649333
307	NGUYỄN HOÀNG YẾN	10/02/1985	*****21	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	40030-20260421105955883
308	LÔ THỊ YẾN	30/07/1997	*****50	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		40030-20260402083622823